

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1028/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2020

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Bà Trần Thị Mỹ Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1746/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 316/2, đường X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn T D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 316/2, đường X, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01/11/2019 và bản tự khai ngày 13/01/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T H trình bày: Bà và ông Nguyễn T D tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 18/11/2002;

Vợ chồng chung sống đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp về đời sống và sở thích nên hay cự cãi nhau đến tháng 10/2019 thì ly thân, không sống chung với nhau; tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà H khai vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Ngọc K V, sinh ngày 30/3/2004; khi ly hôn bà H đề nghị Tòa án giao con chung cho ông D nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Bị đơn ông Nguyễn T D khai thống nhất với bà H về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng; thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn, bản thân bà H không quan tâm chăm sóc chồng con, không lo làm ăn, nghe lời người khác sinh hoạt tôn giáo lạ và bỏ nhà đi từ tháng 11 năm 2019; ông D nhiều lần đi tìm và khuyên nhủ bà H quay về gia đình nhưng không được; ông D trình bày mong muốn cùng bà H hàn gắn tình cảm vợ chồng, chăm sóc con chung nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông D thống nhất với lời khai của Hiền, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc K V, sinh ngày 30/3/2004; do H bỏ nhà đi nên cháu V hiện đang sống với ông D, do ông D trực tiếp chăm sóc nên nếu trong trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì ông có yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông D trình bày không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn cùng có yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T H có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn T D. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T H và bị đơn ông Nguyễn T D có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T H và ông Nguyễn T D kết hôn và chung sống với nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 18/11/2002 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là hợp pháp;

Quá trình chung sống, bà H và ông D cùng có lời khai thống nhất thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do không hòa hợp về cách nghĩ và đời sống. Bên cạnh đó, ông D còn trình bày bà H không quan tâm chăm sóc chồng con, không lo làm ăn, nghe lời người khác sinh hoạt tôn giáo lạ và bỏ nhà đi, vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 11 năm 2019; ông D nhiều lần đi tìm và khuyên nhủ bà H quay về gia đình nhưng không được.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà H và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà H và ông D thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc K V, sinh ngày 30/3/2004;

Ông D có yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn; Xét, quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông D cùng có lời khai xác định cháu V hiện đang ở với ông D, do ông D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bên cạnh đó, bà H cũng có lời khai đồng ý giao con chung cho ông D nuôi dưỡng. Do đó, nhằm duy trì ổn định và đáp ứng nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận và giao con chung ông D được nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông D không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng để nuôi con; Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung: Bà H và ông D có lời khai thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà H và ông D khai thống nhất không có; Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T H được ly hôn với ông Nguyễn T D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 18/11/2002 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Đ cấp không còn giá trị.

Về con chung: Ông D được nuôi con chung là Nguyễn Ngọc K V, sinh ngày 30/3/2004; bà H không phải cấp dưỡng để ông D nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0064388 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; bà H đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái